

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012
của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng
khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần Rau quả
Năm báo cáo 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Rau quả Tiền Giang
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1200100123
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 8.747.360.676 đ
- Địa chỉ: cây số 1977, quốc lộ 1, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Số điện thoại: 073 3834677
- Số fax: 073 3834497
- Website: www.vegetigi.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Rau quả Tiền Giang được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước kể từ đầu năm 2006, doanh nghiệp có nguồn gốc thành lập từ năm 1977.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

+Trồng , chăn nuôi , kinh doanh , chế biến các loại nông lâm sản –thực phẩm .

+Nhập khẩu : các loại máy móc , thiết bị , nguyên , nhiên , vật liệu phục vụ sản xuất .

+Kinh doanh : vật tư nông nghiệp .

+Dịch vụ : cho thuê nhà , mặt bằng , kho , xưởng .

- Địa bàn kinh doanh: cây số 1977, quốc lộ 1, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm :

+Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên : Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT và 3 thành viên HĐQT.

+Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: Trưởng ban kiểm soát và 2 thành viên.

+Ban giám đốc :Giám đốc, 2 phó Giám đốc

+Các phòng nghiệp vụ : Phòng kinh doanh, Phòng kỹ thuật, Phòng tổ chức, Phòng kế toán, Phòng nguyên liệu, Nhà máy chế biến và Nông trường trực thuộc.

- Các công ty con, công ty liên kết: không có

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao; chủng loại sản phẩm ngày càng đa dạng; phát triển thêm các ngành kinh doanh dịch vụ; lợi nhuận ngày càng cao; thu nhập và chính sách của của người lao động luôn được cải thiện.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Kinh doanh đa ngành nghề, mở rộng kinh doanh dịch vụ, phát huy thế mạnh chế biến rau quả, đầu tư mở rộng phân xưởng chế biến trứng cút đóng lon xuất sang thị trường Nhật, Hàn Quốc.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Thực hiện nghiêm các luật có liên quan về bảo vệ môi trường (Công ty đã có hệ thống xử lý nước thải), tham gia ủng hộ các tổ chức xã hội trong địa phương, thực hiện tốt công tác phúc lợi xã hội.

6. Các rủi ro:

Do nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là rau quả nên ảnh hưởng rất lớn khi thời tiết thay đổi : hạn hán, lũ lụt , bão...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Khó khăn :

-Năm 2013 do người trồng khóm phá trồng mới lại khoản 40% diện tích vùng nguyên liệu khóm nên sản lượng giảm, thời gian rộ vụ ngắn, giá nguyên liệu

khóm tăng cao, giá nguyên liệu khóm bình năm 2013 tăng 31% so với năm 2012.

-Do ảnh hưởng suy thoái kinh tế Châu Âu kéo dài nên thị trường tiêu thụ giảm mạnh, khách mua với lượng nhỏ lẻ, giá bán sản phẩm 9 tháng đầu năm 2013 tiếp tục giảm. Kể từ quý 4 năm 2013 giá đầu ra các loại sản phẩm có khuynh hướng tăng từ 10%-15% tùy theo từng loại sản phẩm.

-Kể từ đầu năm 2013, lương tối thiểu vùng tăng từ 1.658.500đ/người/tháng lên 1.926.000đ/người/tháng, đây là áp lực lớn đối người sử dụng lao động vì nếu không đảm bảo việc làm cho lao động thì Công ty phải bù lương.

-Giá thành nguyên liệu khóm trái ở nước ta thường cao hơn ở Thái Lan do người nông dân canh tác với diện tích nhỏ lẻ nên phần nào hạn chế việc cơ giới hóa để giảm giá thành sản xuất, nên giá nguyên liệu khóm trên thị trường trong nước cao hơn ở Thái Lan từ 10%-15% tùy theo từng thời điểm, dẫn đến giá thành sản phẩm chế biến đều cao hơn các nhà máy ở Thái Lan, hạn chế tính cạnh tranh trên thị trường.

1.2/Thuận lợi:

- Là doanh nghiệp xuất khẩu nên Công ty tiếp cận được nguồn vốn vay bằng ngoại tệ với lãi suất từ 4% -> 4,5%/năm, nguồn vốn vay ngoại tệ đáp ứng khoản 70% nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- Sản phẩm của Công ty đa dạng về chủng loại nên dễ xoay trở theo nhu cầu thị trường, hạn chế được phần nào ảnh hưởng do biến động của thị trường.

- Lực lượng lao động có tay nghề cao, luôn nêu cao trách nhiệm trong công việc được giao, đóng góp nhiều sáng kiến cải tiến nhằm tiết giảm chi phí sản xuất.

1.3/Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Thực hiện so với kế hoạch
1	Sản lượng sản xuất	tấn	12.000	8.812	73%
	Trong đó :				
	Sản phẩm đóng hộp	tấn	4.000	3.160	79%
	Sản phẩm đông lạnh	tấn	4.000	2.976	74%
	Sản phẩm cô đặc và pure	tấn	1.500	1.256	84%
	Thanh Long xuất tươi	tấn	2.500	1.420	57%
2	Doanh thu	tỷ đồng	235	183	78%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	4,5	-3,97	

2.Tổ chức và nhân sự:

2.1/Danh sách Ban điều hành:

Tóm tắt lý lịch của Giám đốc :

-Họ và tên : Võ Văn Bon

-Giới tính : Nam

-Ngày sinh :26-04-1958

-Điện thoại :073-3834676

-Địa chỉ thường trú : Ấp Tây 2 , Xã Long Định , Huyện Châu Thành , Tỉnh Tiền Giang

-Trình độ chuyên môn :

+Tốt nghiệp Đại học Bách khoa T.P. HỒ CHÍ MINH năm 1981 , ngành nhiệt công nghiệp .

+Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước Cao cấp và Trung cấp từ ngày 25 -03-1994 đến ngày 21-05-1994 do Học viện Hành chính Quốc gia cấp .

+Học kiến thức chuyên môn 2 năm cuối ngành Quản trị kinh doanh do Trường Đại học tổng hợp tổ chức (học từ năm 1994 đến hết năm 1995 , do không có điều kiện học 2 năm đầu đại cương nên không được cấp bằng) .

+Tốt nghiệp chương trình Lý luận chính trị cao cấp khóa 1997-1998 do Phân viện Thành phố HỒ CHÍ MINH cấp .

+Chứng nhận tốt nghiệp lớp Bồi dưỡng Nghiệp vụ Giám đốc các Doanh nghiệp tỉnh Tiền Giang từ ngày 20-06-2002 đến 16-08-2002 do trường Đại học kinh tế TP. HỒ CHÍ MINH cấp .

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1,07%

Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc :

-Họ và tên : Nguyễn Văn Mì

-Giới tính : Nam

-Ngày sinh : 03-12-1960

-Điện thoại : 073-834508

-Địa chỉ thường trú : Xã Mỹ Hạnh Trung , Huyện Cai Lậy , Tỉnh Tiền Giang .

-Trình độ chuyên môn :

+Tốt nghiệp Đại học Tài chính kế toán ngành Kế toán Công nghiệp năm 1984 .

+Chứng nhận lớp Bồi dưỡng và nâng cao trình độ kiến thức quản lý kinh tế khóa I từ 24-04-1987 đến 15-09-1987 do trường Quản lý kinh tế Trung ương cấp .

+Chứng nhận Bồi dưỡng quản lý tài chính Doanh nghiệp Nhà nước từ ngày 02-10-1995 đến 03-11-1995 do Bộ tài chính cấp .

+Tốt nghiệp chương trình Lý luận chính trị cao cấp từ tháng 05-1998 đến tháng 04-1999 do Phân viện Thành Phố HỒ CHÍ MINH cấp .

+Chứng nhận tốt nghiệp khóa Quản lý doanh nghiệp từ ngày 19-02-2000 đến ngày 21-04-2000 do Trường Đại học Kinh tế cấp .

+Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình Chuyên viên chính từ ngày 04-05-2004 đến ngày 06-08-2004 do Học viện hành chính quốc gia cấp .

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,67%

Tóm tắt lý lịch của Phó Giám đốc :

- Họ và tên : Thái Ngọc Oanh
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh :1963
- Điện thoại : 0913874026
- Địa chỉ thường trú : ấp 5, xã Đạo Thạnh, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang .
- Trình độ chuyên môn :
 - +Tốt nghiệp trường Đại học sư phạm kỹ thuật ngành kỹ sư giáo dục điện kỹ thuật năm 1985.
 - +Chứng nhận quản lý nhà nước cao cấp và trung cấp từ 25/03/1994 đến 21/05/1994 do học viện hành chính quốc gia cấp.
 - +Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài từ 04/08/1994 đến 21/05/1994 do UBND về hợp tác và đầu tư cấp .
 - +Bằng cử nhân kinh tế (quản trị kinh doanh)học từ năm 2001-2004 do Đại học kinh tế thành phố HCM cấp .
 - +Bằng cao cấp lý luận chính trị học từ năm 2001-2004 do học viện chính trị quốc gia TP HCM cấp .
 - +Bằng cử nhân kinh tế (kinh tế chính trị)học từ năm 2001-2004 do Phân viện báo chí tuyên truyền cấp .
 - +Chứng nhận học lớp cổ phần hoá doanh nghiệp từ 20/04/2005 đến 22/04/2005 do Trung tâm nghiên cứu, tư vấn, Đào tạo và PBKT
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 2,12%

Tóm tắt lý lịch của kế toán trưởng:

- Họ và tên : Nguyễn Văn Phương
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh :1968
- Điện thoại : 0908374652
- Địa chỉ thường trú : 211/2A Đinh Bộ Lĩnh, Phường 2, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang .
- Trình độ chuyên môn :
 - +Tốt nghiệp Chính qui trường Đại học kinh tế ngành kế toán tổng hợp khóa học từ năm 1987 đến năm 1991.
 - +Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài từ 04/08/1994 đến 21/05/1994 do UBND về hợp tác và đầu tư cấp
 - +Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý doanh nghiệp từ 02/2000 đến 04/2000 do trường Đại học kinh tế cấp.
 - +Chứng nhận bồi dưỡng lớp chuyên viên chính từ 06/2003 đến 08/2003 do học viện hành chính quốc gia cấp.
 - +Chứng nhận bồi dưỡng lớp kế toán trưởng từ 03/2004 đến 06/2004 do trường Đại học mở bán công cấp.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1,27%

2.2/Những thay đổi trong ban điều hành: không có

2.3/Số lượng cán bộ, nhân viên: 820 lao động

3.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a)Các khoản đầu tư lớn:

Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất, cải tạo nhà xưởng và trang bị máy móc thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất, trong năm Công ty đã đầu tư như sau :

Stt	Nội dung	Giá trị đầu tư (triệu đồng)
1	Mua sắm thêm tài sản máy móc thiết bị cho các phân xưởng sản xuất	1.118
2	Cải tạo nhà xưởng sản xuất	181
Tổng cộng		1.299

b)Các công ty con, công ty liên kết: không có

4.Tình hình tài chính

a)Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	80.446.920.125	79.529.762.189	-1,14%
Doanh thu thuần	208.848.419.682	181.977.914.618	-12,86%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.351.428	-4.421.578.542	
Lợi nhuận khác	2.036.754.286	442.254.032	-78,28%
Lợi nhuận trước thuế	2.066.105.714	-3.979.324.510	
Lợi nhuận sau thuế	1.656.677.996	-3.979.324.510	
Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ	7,5%		

b)Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,05	1,01	

+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho/</u> Nợ ngắn hạn	0,70	0,50	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,61	0,67	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,59	2,02	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,3	5,5	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,6	2,29	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,008	-0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,053	-0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	-0,05	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,00014	-0,24	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

-Tổng số cổ phần đang lưu hành : 2.000.000 cổ phần.

-Loại cổ phần : cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông theo tỉ lệ sở hữu :

-Cổ đông lớn , cổ đông nhỏ : 76,86% ; 23,14%

-Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân : 66,20% ; 33,80%

-Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài : không có cổ đông nước ngoài.

-Cổ đông nhà nước, các cổ đông khác: 45,37% ; 54,63%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm Công ty không tăng vốn cổ phần chào bán ra công chúng, không chào bán riêng lẻ, không phát hành cổ phiếu thưởng, không trả cổ tức bằng cổ phiếu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Thực hiện so với kế hoạch
1	Sản lượng sản xuất	tấn	12.000	8.812	73%
	Trong đó :				
	Sản phẩm đóng hộp	tấn	4.000	3.160	79%
	Sản phẩm đông lạnh	tấn	4.000	2.976	74%
	Sản phẩm cô đặc và pure	tấn	1.500	1.256	84%
	Thanh Long xuất tươi	tấn	2.500	1.420	57%
2	Doanh thu	tỷ đồng	235	183	78%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	4,5	-3,97	

Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013:

- Sản lượng sản xuất thấp : sản lượng sản xuất năm 2013 chỉ bằng 79% so với năm 2012, bằng 60% so với năm 2011, do chưa khai thác hết công suất của nhà máy từ đó định phí phân bổ cho mỗi tấn sản phẩm tăng dẫn đến giá thành sản phẩm tăng.

- Giá bán sản phẩm giảm cụ thể như sau:

+Giá bán sản phẩm dưa đỏ hộp bình quân 9 tháng đầu năm 2013 có tăng nhẹ so với năm 2012 nhưng so với năm 2011 giảm từ 3% -> 10%.

+Giá bán sản phẩm đông lạnh bình quân 9 tháng đầu năm tiếp tục giảm từ 7% -> 12% so với năm 2012 nhưng so với năm 2011 giảm từ 8% -> 32% .

+Giá bán sản phẩm cô đặc bình quân 9 tháng đầu năm tiếp tục giảm từ 5% -> 10% so với năm 2012 nhưng so với năm 2011 giảm từ 34% -> 40% .

(có bảng thống kê so sánh giá tăng giảm kèm theo báo cáo)

Kể từ quý 4 năm 2013 giá đầu ra các loại sản phẩm có khuynh hướng tăng từ 10%-15% tùy theo từng loại sản phẩm.

- Do sản lượng nguyên liệu khóm giảm khoản 40% so với những năm trước nên giá thu mua nguyên liệu đầu vào tăng, giá thu mua nguyên liệu khóm bình

quân năm 2013 tăng 31% so với năm 2012, do giá nguyên liệu tăng ảnh hưởng tăng giá thành sản phẩm từ 2 -> 3 triệu đồng/tấn tùy theo từng loại sản phẩm.

- Do sản phẩm cô đặc phát sinh trong quá trình sản xuất khóm đồ hộp và đông lạnh tiêu thụ chậm nên phát sinh chi phí thuê kho và lãi vay ngân hàng hàng tháng, chi phí thuê kho năm 2013 là 1.962.386.864 đ.

- Do sản lượng sản xuất thấp có những thời điểm không đáp ứng đủ việc làm cho công nhân nên phải trả lương ngừng việc và bù lương cho công nhân trong năm 2013 là 1.492.751.682 đồng.

Để giảm thiểu khó khăn do giá đầu ra giảm, sản lượng xuất khẩu giảm và tình hình thu mua nguyên liệu không thuận lợi, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các giải pháp tiết giảm chi phí như sau :

- Luôn cải tiến trong việc thu mua nguyên liệu, điều hành sản xuất từng loại sản phẩm phù hợp với chủng loại nguyên liệu để tiết kiệm tối đa tỉ lệ tiêu hao nguyên liệu, trong năm đã tiết kiệm được 927 tấn các loại nguyên liệu, tỉ lệ tiết kiệm 5,37% , giá trị tiết kiệm gần 4 tỷ đồng.

- Sắp xếp lại lực lượng lao động cho phù hợp với nhu cầu sản xuất từng thời điểm trong năm.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Toàn bộ sản của Công ty đều phục vụ cho nhu cầu sản xuất trong năm, trong quá trình sản xuất những tài sản không có nhu cầu sử dụng công ty tiến hành thanh lý kịp thời (tài sản nhỏ lẻ). Trong năm không phát sinh nợ phải thu xấu .

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ phải trả : tăng so với năm 2012, nợ phải trả chủ yếu là nợ vay ngân hàng, nợ phải trả người bán (người bán cho trả chậm)

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay : không có

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai :

Cải tạo mở rộng nhà xưởng, máy thiết bị để năm 2014 sản xuất trứng cút đóng lon với số lượng lớn xuất sang thị trường Nhật, Hàn Quốc.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công tác tìm thị trường và phát triển thị trường mới còn chậm.

-Còn hạn chế trong việc dự đoán xu thế giá cả của Công ty trên thị trường thế giới

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty;

- Công tác phát triển mặt hàng khác ngoài khóm còn chậm.
- Còn hạn chế trong việc dự đoán nhận định tình hình cung cầu nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.

3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

-Phát triển nhanh sản phẩm khác ngoài khóm : như xoài đóng hộp, xoài đông lạnh, thạch dừa ... để không bị áp lực về khả năng cung ứng nguyên liệu khóm cho sản xuất.

-Tìm thị trường mới để hạn chế ảnh hưởng do cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu.

-Mở trang trại chăn nuôi cút, cải tạo mở rộng nhà xưởng, máy thiết bị để năm 2014 sản xuất trứng cút đóng lon với số lượng lớn xuất sang thị trường Nhật

V.Quản trị công ty

1.Hội đồng quản trị

a)Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị :

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành Công ty
1	Võ Văn Bon	Chủ tịch HĐQT	Giám đốc
2	Đinh Văn Hương	Phó chủ tịch HĐQT	Không
3	Nguyễn Văn Mi	Thành viên HĐQT	Phó giám đốc
4	Thái Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT	Phó giám đốc
5	Đặng Ngọc Hòa	Thành viên HĐQT	không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị :

Stt	Tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu và được uỷ quyền		Trong đó cổ phần được uỷ quyền là
			Đầu năm	Cuối năm	
1	Võ Văn Bon	Chủ tịch HĐQT	628.879	628.879	607.479
2	Đinh Văn Hương	Phó chủ tịch HĐQT	206.471	206.471	206.471
3	Nguyễn Văn Mi	Thành viên HĐQT	263.331	263.331	250.000
4	Thái Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT	42.400	42.400	
5	Đặng Ngọc Hoà	Thành viên HĐQT	223.300	223.300	

b)Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Nội dung các phiên họp trong quý I:

-Thông qua báo cáo, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2013, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2013.

-Thẩm định phê duyệt đầu tư dự án sản xuất trứng cút đóng hộp xuất sang thị trường Nhật.

-Ủy quyền cho Giám đốc Công ty dùng tài sản của Công ty để thế chấp vay vốn ngân hàng phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

Nội dung các phiên họp trong quý II :

-Thông qua báo cáo, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh quý II/2013 và lũy kế 6 tháng đầu năm, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2013.

-Phân tích những nguyên nhân khó khăn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh 6 tháng đầu năm chủ yếu do sản lượng xuất khẩu giảm, giá bán cũng giảm trong khi giá nguyên liệu khóm đầu vào tăng nhưng nguyên liệu khóm cũng không đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.

-Hội đồng quản trị bàn bạc đưa ra giải pháp sắp xếp lại lực lượng lao động trong lúc sản xuất khó khăn để giảm bớt chi phí trả lương ngừng việc, chi phí bù lương.

Nội dung các phiên họp trong quý III :

-Thông qua báo cáo, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh quý III/2013 và lũy kế 9 tháng đầu năm , thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2013.

-Thảo luận về việc xử lý khi kết thúc hợp đồng khoán đất tại Nông trường, Hội đồng quản trị thống nhất báo cáo Ủy ban Tỉnh về vấn đề này.

Nội dung các phiên họp trong quý IV:

-Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh cả năm 2013, nhận định tình hình khách hàng, thị trường tiêu thụ và tình hình cung cấp các loại nguyên liệu năm 2014 để xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

-Thông qua tờ trình về việc phê duyệt phương án trả lương và quỹ lương năm 2013.

-Thông qua tờ trình về việc ứng quỹ lương năm 2014 để chi lương cho công nhân.

-Thông qua báo cáo chi thù lao Hội đồng quản trị-Ban kiểm soát năm 2013 và thống nhất phương án trình Đại hội đồng cổ đông mức chi thù lao Hội đồng quản trị -Ban kiểm soát năm 2014.

-Phê duyệt phương án hợp tác kinh doanh nuôi chim cút tại xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra thành phần Hội đồng quản trị kiêm nhiệm tham gia quản lý tại Công ty còn tham gia giải quyết, điều hành sản xuất trực tiếp hàng ngày tại Công ty.

2.Ban Kiểm soát

a)Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điều hành Công ty
1	Đinh Thị Thuỷ Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	Không
2	Nguyễn Thị Hoài Thanh	Thành viên BKS	Giám đốc nhà máy
3	Trần Xuân Hoàng	Thành viên BKS	Trưởng phòng TCHC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

St t	Tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu và được uỷ quyền		Trong đó cổ phần được uỷ quyền là
			Đầu năm	Cuối năm	
1	Đinh Thị Thuỷ Tiên	Trưởng BKS	250.000	250.000	250.000
2	Nguyễn Thị Hoài Thanh	Thành viên BKS	28.200	28.500	
3	Trần Xuân Hoàng	Thành viên BKS	14.200	14.200	

b)Hoạt động của Ban kiểm soát:

Kiểm tra báo cáo tài chính Công ty thường xuyên mỗi quý và cả năm 2013, tham gia góp ý trong các phiên họp Hội đồng quản trị, phân tích tình hình hoạt động, các chỉ số tài chính báo cáo cổ đông trong các phiên họp.

3.Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**a)Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm :**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đ)
1	Võ Văn Bon	Chủ tịch HĐQT	20.500.000
2	Đinh Văn Hương	Phó chủ tịch HĐQT	19.000.000
3	Nguyễn Văn Mì	Thành viên HĐQT	17.500.000
4	Thái Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT	17.500.000
5	Đặng Ngọc Hòa	Thành viên HĐQT	17.500.000
6	Đinh Thị Thuỷ Tiên	Trưởng Ban kiểm soát	13.000.000
7	Nguyễn Thị Hoài Thanh	Thành viên BKS	7.500.000
8	Trần Xuân Hoàng	Thành viên BKS	7.500.000
9	Nguyễn Văn Phương	Thư ký HĐQT	10.000.000
Tổng cộng			130.000.000

b)Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Phương	KTT	24.799	1,24%	25.399	1,27%	Mua
2	Đặng Thị Kiến Kiêm	Quản lý kho	24.100	1,21%	24.318	1,22%	Mua
3	Bùi Thị Bích Hường		13.504	0,68%	0	0	Bán

(cổ đông nội bộ khác trong năm không phát sinh giao dịch)

Thông tin về cổ đông lớn trong nước :

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Hình thức tổ chức	Số cổ phần sở hữu	
				Đầu kỳ	Cuối kỳ
1	Tổng công ty Rau quả Nông sản	số 2 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội	Tổ chức	200.000	200.000
2	Công ty Xuất nhập khẩu Rau quả	số 24 Trương Định, Phường 6, Quận 3, TPHCM	Tổ chức	206.471	206.471
3	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	soá 06 Phan Huy Chuà, Hoạc Kieám, Hạc Noãi	Tổ chức	907.479	907.479
4	Đặng Ngọc Hòa	62-64 Lê Thị Riêng, Phường Bến Thành, Quận 1, TPHCM	Cá nhân	223.300	223.300
Tổng cộng				1.537.250.	1.537.250

c)Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d)Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện đúng điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty ban hành

VI.Báo cáo tài chính:

1.Ý kiến kiểm toán : Ý kiến của kiểm toán viên qua kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty như sau:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ :

Đối với số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 và số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Công ty căn cứ số cuối năm của Báo cáo tài chính niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam. Việc kiểm toán được thực hiện trên cơ sở các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013. Do đó, chúng tôi không đặt vấn đề xem xét số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính năm 2013 cũng như ảnh hưởng của chúng đến số dư tại ngày 31/12/2013 trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính năm 2013.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ :

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Rau Quả Tiền Giang tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Tiền Giang, ngày 17 tháng 02 năm 2014
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Võ Văn Bền